

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH22B2**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02209**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Sinh lý dinh dưỡng**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2258102062387	Nguyễn Huỳnh Bảo	Anh	31/07/2007				8	8.0	9.0			7.5		7.9
2	2258102062388	Lê Thị Ngọc	Biển	04/12/2007				8	9.0	8.0			10.0		9.4
3	2258102062389	Nguyễn Thị Kim	Duyên	05/09/2001				9	8.0	9.0			10.0		9.4
4	2258102062390	Trần Văn Tiến	Đạt	18/05/2007				9	8.0	9.0			8.5		8.5
5	2258102062391	Vi Huỳnh	Đức	11/12/1999				9	8.0	9.0			7.5		7.9
6	2258102062393	Vương Hoàng Anh	Khoa	30/11/2007				8	7.0	8.0			7.5		7.5
7	2258102062395	Lê Thị Trúc	Lam	16/10/2007				9	8.0	9.0			7.5		7.9
8	2258102062397	Nguyễn Ngọc	Mai	10/03/2005				9	8.0	9.0			6.0		7.0
9	2258102062398	Huỳnh Kim	Ngà	14/10/2007				8	8.0	8.0			7.0		7.4
10	2258102062400	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/07/2007				9	8.0	8.0			9.0		8.7
11	2258102062401	Nguyễn Thiện	Nhân	12/09/2007				8	8.0	9.0			7.0		7.6
12	2258102062403	Nguyễn Lê Đại	Phát	13/12/2003				9	8.0	8.0			10.0		9.3
13	2258102062404	Hứa Vĩnh	Phước	19/07/2007				8	7.0	7.0			7.0		7.1
14	2258102062405	Võ Hoàng	Quyên	04/04/2006				9	8.0	9.0			7.0		7.6
15	2258102062406	Mohamach	Salam	28/03/2007				7	7.0	7.0			4.5	5.0	5.8
16	2258102062407	Ngô Chí	Tâm	24/04/2007				8	7.0	7.0			9.5		8.6
17	2258102062409	Nguyễn Trung	Thuận	10/09/2007				9	8.0	9.0			7.5		7.9
18	2258102062411	Nguyễn Huyền	Trân	23/07/2007				7	7.0	8.0			7.5		7.5
19	2258102062412	Nguyễn Hoàng Thái	Tú	08/10/2007				8	7.0	9.0			0.5	5.0	6.2
20	2258102062413	Lay La	Tul	01/03/2007				8	7.0	8.0			6.5		6.9
21	2258102062414	Dương Ngọc Yến	Vi	17/12/2004				9	8.0	8.0			10.0		9.3
22	2258102062418	Phan Nguyễn Hữu	Khánh	01/08/2004				7	7.0	8.0			8.5		8.1
23	2258102062419	Nguyễn Thị Minh	Thư	02/09/2004				9	7.0	8.0			10.0		9.1

Châu Đốc, ngày 20 tháng 8 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình